

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1005/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố bổ sung danh mục đô thị loại III và phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1001/SXD-ĐTNO ngày 10/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố bổ sung danh mục đô thị loại III và phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Chi tiết theo Phụ lục I, II kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

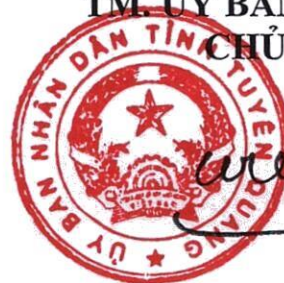
- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu VT, QHĐTĐD(QĐ).

21

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Huy Ngọc



PHỤ LỤC I
Danh mục bổ sung danh mục đô thị loại III trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Quyết định số: 1005/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP					SAU CHUYỂN TIẾP				
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Phạm vi đô thị	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1	Đô thị Lăng Can	V	Số 1644/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang	1	Đô thị Lâm Bình	III	Khu vực trung tâm Xã Lâm Bình (thị trấn Lăng Can cũ).	Xã Lâm Bình trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của 02 Xã và 01 thị trấn gồm: Các Xã Phúc Yên, Xuân Lập và thị trấn Lăng Can.	
2	Đô Thị Yên Sơn	V	Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang	2	Đô thị Yên Sơn	III	Khu vực trung tâm Xã Yên Sơn (thị trấn Yên Sơn cũ).	Xã Yên Sơn trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của 03 xã và 01 thị trấn gồm: Các xã Tứ Quận, Lang Quán, Chân Sơn và thị trấn Yên Sơn.	
3	Đô thị Sơn Dương	V	Đô thị hình thành từ lâu.	3	Đô thị Sơn Dương	III	Khu vực trung tâm Xã Sơn Dương (thị trấn Sơn Dương cũ).	Xã Sơn Dương trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của 03 xã và 01 thị trấn gồm: Các xã Hợp Thành, Phúc Ứng, Tú Thịnh và thị trấn Sơn Dương.	
4	Đô thị Vĩnh Lộc	V	Đô thị hình thành từ lâu	4	Đô thị Chiêm Hóa	III	Khu vực trung tâm xã Chiêm Hóa (thị trấn Vĩnh Lộc cũ).	Xã Chiêm Hóa trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của 04 xã và 01 thị trấn gồm: Các xã Xuân Quang, Phúc Thịnh, Ngọc Hội, Trung Hoà và thị trấn Vĩnh Lộc.	
5	Đô thị Nà Hang	V	Đô thị hình thành từ lâu	5	Đô thị Nà Hang	III	Khu vực trung tâm Xã Nà Hang	Xã Nà Hang trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của 02 xã và 01 thị	

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP				
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Phạm vi đô thị	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Đô thị Tân Yên	V	Đô thị hình thành từ lâu	6	Đô thị Hàm Yên	III	Khu vực trung tâm Xã Hàm Yên (thị trấn Tân Yên cũ).	Xã Hàm Yên trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của 03 xã và 01 thị trấn gồm: Các xã Tân Thành, Bằng Cốc, Nhân Mục và thị trấn Tân Yên.
7	Đô thị Phố Bàng	V	Số 1808/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh Hà Giang	7	Đô thị Phố Bàng	III	Thị trấn Phố Bàng cũ.	Xã Phố Bàng trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của 03 xã là xã Phố Là, xã Phố Cáo, xã Lũng Tàu và Thị trấn Phố Bàng.
8	Đô thị Mèo Vạc	V	Số 07/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 của UBND tỉnh Hà Giang	8	Đô thị Mèo Vạc	III	Khu vực trung tâm Xã Mèo Vạc (Thị trấn Mèo Vạc cũ).	Xã Mèo Vạc trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Thị trấn Mèo Vạc, xã Pả Vi, xã Giàng Chu Phìn, xã Tả Lũng.
9	Đô thị Mậu Duệ	V	Số 2626/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Hà Giang	9	Đô thị Mậu Duệ	III	Khu vực trung tâm Xã Mậu Duệ (Xã Mậu Duệ cũ).	Xã Mậu Duệ trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Ngam La, xã Mậu Duệ, xã Mậu Long.
10	Đô thị Tam Sơn	V	Số 08/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của UBND tỉnh Hà Giang	10	Đô thị Quán Bạ	III	Khu vực trung tâm Xã Quán Bạ (thị trấn Tam Sơn cũ).	Xã Quán Bạ trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Quán Bạ, thị trấn Tam Sơn, xã Quyết Tiến.

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP				
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Phạm vi đô thị	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
11	Đô thị Yên Phú	V	Số 142/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của UBND tỉnh Hà Giang	11	Đô thị Bắc Mê	III	Khu vực trung tâm Xã Bắc Mê (thị trấn Yên Phú cũ).	Xã Bắc Mê trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Yên Phong, thị trấn Yên Phú, xã Lạc Nông.
12	Đô thị Thanh Thủy	V	Số 2465/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Hà Giang	12	Đô thị Thanh Thủy	III	Khu vực trung tâm Xã Thanh Thủy (Xã Thanh Thủy cũ).	Xã Thanh Thủy trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Thanh Thủy, Xã Phương Tiến.
13	Đô thị Vị Xuyên	V	Số 1668/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 của UBND tỉnh Hà Giang;	13	Đô thị Vị Xuyên	III	Khu vực Xã Vị Xuyên (thị trấn Vị Xuyên, thị trấn Nông trường Việt Lâm cũ).	Xã Vị Xuyên trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Đạo Đức, thị trấn Vị Xuyên, thị trấn Nông trường Việt Lâm.
14	Đô thị Thị trấn nông trường Việt Lâm	V	Số 2466/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Hà Giang					
15	Đô thị Tân Quang	V	Số 1809/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh Hà Giang	14	Đô thị Tân Quang	III	Khu vực trung tâm Xã Tân Quang (Xã Tân Quang cũ).	Xã Tân Quang trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Tân Thành, xã Tân Quang, xã Tân Lập.

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP			
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Phạm vi đô thị
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
16	Đô thị Kim Ngọc	V	Số 2421/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND tỉnh Hà Giang	15	Đô thị Bằng Hành	III	Khu vực trung tâm Xã Bằng Hành (Xã Kim Ngọc cũ).
17	Đô thị Quang Minh	V	Số 2467/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Hà Giang;	16	Đô thị Bắc Quang	III	Khu vực xã Bắc Quang (Xã Quang Minh, thị trấn Việt Quang cũ).
18	Đô thị Việt Quang	IV	số 780/QĐ-BXD ngày 25/8/2010 của Bộ Xây dựng				Xã Bắc Quang trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Quang Minh, thị trấn Việt Quang, xã Việt Vinh.
19	Đô thị Vĩnh Tuy	V	Số 1445/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh Hà Giang	17	Đô thị Vĩnh Tuy	III	Khu vực trung tâm Xã Vĩnh Tuy (thị trấn Vĩnh Tuy cũ).
20	Đô thị Hùng An	V	Số 2110/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh Hà Giang	18	Đô thị Hùng An	III	Khu vực trung tâm Xã Hùng An (Xã Hùng An cũ).
21	Đô thị Đồng Yên	V	Số 2422/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND tỉnh Hà Giang	19	Đô thị Đồng Yên	III	Khu vực trung tâm Xã Đồng Yên (Xã Đồng Yên cũ).
							Xã Bằng Hành trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Kim Ngọc, xã Bằng Hành, xã Vô Điểm.
							(5)
							Xã Hùng An trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Hùng An, xã Tiên Kiều, xã Việt Hồng.
							Xã Đồng Yên trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Vĩnh Phúc, xã Đồng Yên.



TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP				
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Phạm vi đô thị	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22	Đô thị Xuân Giang	V	Số 2372/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Hà Giang	20	Đô thị Xuân Giang	III	Khu vực trung tâm Xã Xuân Giang (Xã Xuân Giang cũ).	Xã Xuân Giang trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Nà Khương, xã Xuân Giang.
23	Đô thị Yên Bình	V	Số 2979/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Hà Giang	21	Đô thị Quang Bình	III	Khu vực trung tâm Xã Quang Bình (Thị trấn Yên Bình cũ).	Xã Quang Bình trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Thị trấn Yên Bình, xã Tân Nam.
24	Đô thị Tân Bắc	V	Số 2266/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND tỉnh Hà Giang	22	Đô thị Tân Trịnh	III	Khu vực trung tâm Xã Tân Trịnh (xã Tân Bắc cũ).	Xã Tân Trịnh trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Tân Trịnh, xã Tân Bắc.
25	Đô thị Thông Nguyên	V	Số 2627/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Hà Giang	23	Đô thị Thông Nguyên	III	Khu vực trung tâm Xã Thông Nguyên (Xã Thông Nguyên cũ).	Xã Thông Nguyên trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Xuân Minh (huyện Quang Bình), xã Thông Nguyên.
26	Đô thị Vinh Quang	V	Số 09/QĐ-UBND ngày 05/01/2015 của UBND tỉnh Hà Giang	24	Đô thị Hoàng Su Phì	III	Khu vực trung tâm Xã Hoàng Su Phì (thị trấn Vinh Quang cũ).	Xã Hoàng Su Phì trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Ngâm Dăng Vài, xã Tự Nhân, thị trấn Vinh Quang, xã Đản Ván, xã Bản Lước.



TRƯỚC CHUYỂN TIẾP				SAU CHUYỂN TIẾP				
STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Quyết định công nhận loại đô thị	STT	Tên đô thị	Loại đô thị	Phạm vi đô thị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	
27	Đô thị Cốc Pài	V	Số 143/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của UBND tỉnh Hà Giang	25	Đô thị Pà Vây Sủ	III	Khu vực trung tâm Xã Pà Vây Sủ (thị trấn Cốc Pài cũ).	Xã Pà Vây Sủ trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Xã Pà Vây Sủ, thị trấn Cốc Pài, xã Nàn Ma, xã Bản Ngò (5)
28	Đô thị Đồng văn	V	Số 141/QĐ-UBND ngày 19/01/2009 của UBND tỉnh Hà Giang	26	Đô thị Đồng Văn	III	Khu vực trung tâm Xã Đồng Văn (thị trấn Đồng Văn cũ).	Xã Đồng Văn trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của Thị trấn Đồng Văn, xã Tả Lùng, xã Pải Lùng (huyện Mèo Vạc), xã Thái Phìn Tủng, xã Tả Phìn.
29	Đô thị Yên Minh	V	Số 82/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của UBND tỉnh Hà Giang	27	Đô thị Yên Minh	III	Khu vực trung tâm Xã Yên Minh (thị trấn Yên Minh cũ).	Xã Yên Minh trên cơ sở nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của 05 ĐVHC gồm: Thị trấn Yên Minh, các xã Lao Và Chải, Hữu Vinh, Đồng Minh thuộc huyện Yên Minh và xã Văn Chải huyện Đồng Văn.

PHỤ LỤC II

**Danh mục phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính
trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

(Kèm theo Quyết định số: MS/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TRƯỚC CHUYỂN TIẾP		SAU CHUYỂN TIẾP			
STT	Tên phường	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại	STT	Tên phường	Mức trình độ phát triển đô thị trong đô thị loại
1	Phường Mỹ Lâm	<p>Thời điểm trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận đô thị loại II theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (không có quy định công nhận mức trình độ phát triển hạ tầng đô thị)</p>	1	Phường Mỹ Lâm	III
2	Phường Ý La		2	Phường Minh Xuân	III
3	Phường Tân Hà		3	Phường Nông Tiến	III
4	Phường Phan Thiết		4	Phường An Tường	III
5	Phường Minh Xuân		5	Phường Bình Thuận	III
6	Phường Tân Quang		6	Phường Hà Giang 1	III
7	Phường Nông Tiến		7	Phường Hà Giang 2	III
8	Phường Hưng Thành				
9	Phường An Tường				
10	Phường Đội Cấn				
11	Phường Nguyễn Trãi				
12	Phường Ngọc Hà				
13	Phường Trần Phú,				
14	Phường Minh Khai				
15	Phường Quang Trung				